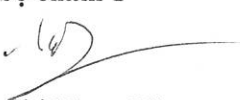


BẢNG ĐIỂM THI MÔN: Pháp luật kinh tế QT9D_kỳ 1 năm học 2022-2023

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	904020031	Phan Thị	Dịu	19/08/1991	LT9A	000001	145	7.60	
2	904020032	Lê Anh	Hiệp	24/05/1990	LT9A	000002	214	7.20	
3	901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	000003	352	6.60	
4	901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	000004			
5	901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	000005	145	8.00	
6	901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D	000006			
7	901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	000007	539	7.40	
8	901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	000008	483	6.80	
9	901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	000009	539	7.60	
10	901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	000010	483	6.60	
11	901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	000011	352	7.00	
12	901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	000012	214	5.60	
13	901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	000013	145	7.00	
14	901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	000014			
15	901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	000015			
16	901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	000016			

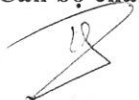
Tổng số bài thi: 11

Cán bộ chấm 1


Nguyễn Thị Ngọc Hà

Hưng Yên. Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 2


Đỗ Việt Hùng

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN ĐHCQ K9: XÁC SUẤT THỐNG KÊ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	904020020	Cao Ánh	Hồng	02/09/1993	LT9A	000033	125	8.25	22
2	904020010	Đoàn Thị	Ngoan	10/08/1988	LT9A	000034	274	6.50	22
3	904020018	Hoàng Thị	Nhung	14/01/1988	LT9A	000035	301	7.75	22
4	900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	000036	430	7.50	22
5	904020033	Phùng Thị Hải	Yến	10/08/1995	LT9A	000037	547	7.50	22
6	903020001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/09/2003	LT9A_ TCDH	000038	692	8.50	22
7	906020001	Đào Thị Thu	Dịu	10/08/1993	LT9A_ VLVH	000039	125	8.25	22
8	901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	000040	274	8.50	22
9	901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	000041			22
10	901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	000042	301	8.75	22
11	901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D	000043			22
12	901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	000044	430	8.50	22
13	901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	000045	547	7.50	22
14	901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	000046	692	7.25	22
15	901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	000047	274	8.25	22
16	901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	000048	301	8.50	22
17	901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	000049	125	8.25	22
18	901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	000050	430	8.50	22
19	901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	000051			22
20	901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	000052	547	8.25	22
21	901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	000053	692	8.25	22

Tổng số bài thi: 18

Hưng Yên, Ngày 11 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 1

Cán bộ chấm 2

Trịnh Thu Trang

Nguyễn Thị Bích Hương



1-12

u

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	1	7,9	1	An	
2	000034	0901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	2	9,5	1	Thế Anh	HP
3	000035	0901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	3	9,4	1	Giang	
4	000036	0901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D					HP,ĐK
5	000037	0901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	4	9,4	1	Hùng	
6	000038	0901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	5	9,4	1	Trung Nghĩa	
7	000039	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	6	8,3	1	Nguyệt	
8	000040	0901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	7	7,7	02	Đức Oanh	
9	000041	0901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	8	7,9	1	Son	HP
10	000042	0901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	9	7,2	1	Thanh	HP
11	000043	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	10	8,0	1	Thông	
12	000044	0901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D					HP
13	000045	0901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	11	6,2	1	Tuấn	
14	000046	0901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	12	8,8	1	Tuấn	

Tổng số sinh viên dự thi:.....12...

Tổng số tờ giấy thi:.....13

Tổng số biên bản:.....03...

Ngày 23 tháng 11 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Việt Huy

Nguyễn Thuần Chy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000104	0901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	Nam	24		6,5	An	
2	000105	0901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	Nam	24				HP,ĐK
3	000106	0901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	Nữ	24		6,0	giang	
4	000107	0901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D	Nữ	24				HP,ĐK
5	000108	0901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	Nam	24		7,0		
6	000109	0901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	Nam	24		5,0		
7	000110	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	Nữ	24		5,0		
8	000111	0901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	Nam	24		6,5		
9	000112	0901010015	Phạm Hồng	Sơn	30/07/1996	QT9D	Nam	24		7,0	Sơn	HP,ĐK
10	000113	0901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	Nam	24				HP,ĐK
11	000114	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	Nam	24		7,5	Thong	
12	000115	0901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	Nam	24				HP,ĐK
13	000116	0901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	Nam	24				ĐK
14	000117	0901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	Nam	24		6,5	Tuấn	

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Đặng Hoài Nam

Đỗ Mạnh Tuấn

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: KINH TẾ VI MÔ QT9D - KY I, 2022-2023

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	810210824	Phạm Ngọc	Huyền	07/05/2002	KD8H	000001	146	7.80	
2	901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	000002	478	6.40	
3	901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	000003	360	9.40	
4	901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	000004	219	5.80	
5	901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	000005	219	4.80	
6	901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	000006	146	4.60	
7	901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	000007	478	6.00	
8	901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	000008	219	5.20	
9	901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	000009	360	4.80	
10	901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	000010			
11	901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	000011	478	3.40	
12	901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	000012	146	3.60	

Tổng số bài thi: 11

Cán bộ chấm 1



Vũ Ngọc Loan

Hưng Yên. Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 2



Đỗ Việt Hùng

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: TIẾNG ANH CƠ BẢN 1

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	000001	543	6.00	01
2	901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	000002			01 ✓
3	901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	000003	126	9.00	01
4	901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D	000004			01 ✓
5	901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	000005	302	8.60	01
6	901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	000006	543	6.80	01
7	901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	000007	278	6.60	01
8	901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	000008	417	6.20	01
9	901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	000009	278	6.60	01
10	901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	000010	417	6.40	01
11	901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	000011	126	6.80	01
12	901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	000012			01 ✓
13	901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	000013	302	4.80	01
14	901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	000014	543	5.80	01
15	710111627	Nguyễn Giang	Son	15/11/1998	TC7A	000015	126	6.20	01

Tổng số bài thi: 12

Cán bộ chấm 1

Hưng Yên. Ngày/..../..../ năm 2022

Cán bộ chấm 2


Trần Văn Thanh


Nguyễn Chí Bích Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D		24	08	An	
2	000002	0901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D					HP
3	000003	0901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D		24	14	Hương	
4	000004	0901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D					HP
5	000005	0901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D		24	02	Hùng	
6	000006	0901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D		24	10	Trung	
7	000007	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D		24	08	Nguyệt	
8	000008	0901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D		24	06	Đức	
9	000009	0901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D		24	16	Son	
10	000010	0901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D		23	04	Thanh	HP
11	000011	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D		24	12	Thông	
12	000012	0901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D					HP
13	000013	0901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D		24	08	Tuấn	
14	000014	0901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D		23	12	Tuấn	
15	000015	0710111627	Nguyễn Giang	Son	15/11/1998	TC7A		23	14	Son	

Tổng số sinh viên dự thi: 12.....

Tổng số tờ giấy thi: 12.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 30 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

[Signature]

Đào Thị Hồng Lam

Đinh Thị Luyện



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: B3_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023
Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	22	1	6,5	01	HL	
2	000034	0901020014	Nguyễn Thế	Anh	28/04/1994	QT9D	22	2	4,5	01	HL	HP
3	000035	0901030146	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/07/2000	QT9D	22	3	8,0	02	HL	HP, ĐK
4	000036	0901030119	Trương Thị Thu	Hà	10/06/2003	QT9D	22					
5	000037	0901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	22	4	7,3	02	HL	Lê
6	000038	0901030230	Trần Trung	Nghĩa	20/03/1994	QT9D	22	5	5,0	01	HL	chưa
7	000039	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	22	6	5,5	01	HL	chưa
8	000040	0901020993	Nguyễn Đức	Oanh	22/12/1987	QT9D	22	7	6,5	02	HL	chưa
9	000041	0901010015	Phạm Hồng	Son	30/07/1996	QT9D	22	8	5,5	01	HL	Lê
10	000042	0901030904	Nguyễn Văn	Thanh	07/09/1996	QT9D	22	9	6,0	01	HL	HP
11	000043	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	22	10	8,0	01	HL	Lê
12	000044	0901030338	Trần Xuân	Tiến	10/07/1985	QT9D	22					HP, ĐK
13	000045	0901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	22	11	7,0	01	HL	
14	000046	0901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	22	12	4,5	01	HL	

Tổng số sinh viên dự thi: 12
Tổng số tờ giấy thi: 15
Tổng số biên bản: 2

Ngày 24 tháng 11 năm 2023
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Đỗ Việt Hùng